



Bài báo nghiên cứu

VIỆC TUÂN THỦ ĐẠO ĐỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA HỌC VIÊN CAO HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Bùi Trần Quỳnh Ngọc, Nguyễn Thị Thu Ba,
Nguyễn Chung Hải*, Phan Duy Khôi, Phạm Trần Như Ái*
Trường Đại học Sư phạm Thành Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Chung Hải – Email: hainc@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 12-9-2022; ngày nhận bài sửa: 19-6-2023; ngày duyệt đăng: 20-6-2023

TÓM TẮT

Việc tuân thủ đạo đức nghiên cứu khoa học (ĐĐNCKH) là một trong những yêu cầu quan trọng nhằm xây dựng môi trường học thuật khoa học trung thực, công bằng và uy tín. Bài viết nghiên cứu việc tuân thủ các nguyên tắc ĐĐNCKH, đánh giá các nguyên nhân dẫn đến vi phạm đạo đức nghiên cứu (ĐĐNC) của học viên (HV). Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính, với mẫu khảo sát là 207 học viên và 51 giảng viên (GV) đang tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy học viên cao học (HVCH) đã tuân thủ khá tốt các quy chuẩn về ĐĐNC; tuy nhiên, vẫn có một số biểu hiện vi phạm liên quan đến sử dụng các công cụ nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu, và vấn đề trích dẫn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thiếu hiểu biết về các biểu hiện vi phạm ĐĐNC, hay thiếu kỹ năng viết và trình bày đối với sản phẩm học thuật.

Từ khóa: đạo đức; học viên cao học; nghiên cứu khoa học

1. Đặt vấn đề

Chuẩn đầu ra về đào tạo thạc sĩ, ngoài việc đào tạo người học có kiến thức thực tế, lí thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo, còn yêu cầu người học có kĩ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp (Prime Minister, 2016). Đặc biệt, điều này đã được cụ thể hóa trong việc thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu. Cụ thể, Thông tư 17/2021/BGD&ĐT đã tăng khối lượng nghiên cứu khoa học lên 24 đến 30 tín chỉ, chiếm 50% khối lượng tín chỉ của trình độ thạc sĩ. Như vậy, ngoài việc đào tạo kiến thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp thì việc phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cần được quan tâm và giảng dạy bài bản để từ đó kiểm soát các công trình nghiên cứu khoa

Cite this article as: Bui Tran Quynh Ngọc, Nguyen Thi Thu Ba, Nguyen Chung Hai, Phan Duy Khôi, & Phạm Trần Như Ái (2023). Ethical compliance with research of graduate students at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(6), 1031-1042.

học tuân thủ các quy định đào tạo, Luật Sở hữu trí tuệ, chuẩn mực về ĐĐNC nhằm hướng đến nâng cao giá trị, uy tín và chất lượng các sản phẩm học thuật của học viên, thúc đẩy tinh thần khoa học công bằng, lành mạnh và tin cậy trong việc tổ chức thực hiện và công bố kết quả nghiên cứu, ngăn chặn các hành vi gian lận, thiếu liêm chính trong cộng đồng học thuật. Thực tế cho thấy, đa số các trường khi thiết kế chương trình đào tạo đều có tổ chức giảng dạy học phần về nghiên cứu khoa học chuyên ngành, tuy nhiên, nội dung giảng dạy chủ yếu tập trung vào quy trình thực hiện, các phương pháp và kỹ thuật trong việc triển khai thực hiện nghiên cứu mà ít các nội dung liên quan đến vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Vì vậy, để có cơ sở thực tiễn xây dựng khóa học trực tuyến về ĐĐNCKH trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, bài báo tập trung nghiên cứu việc tuân thủ ĐĐNCKH của HVCH tại Trường ĐHSP TPHCM như là một luận cứ khoa học cho việc triển khai xây dựng khóa học trực tuyến “Đạo đức nghiên cứu khoa học” cho HV.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý luận về ĐĐNCKH

Đạo đức (ethics) là những nguyên tắc giúp giữ gìn những giá trị phổ quát nhất của nhân loại. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học (NCKH) (research ethics) là tập hợp các nguyên tắc để định hướng, giáo dục và giám sát các nhà khoa học thực hiện các nghiên cứu với những chuẩn mực đạo đức cao nhất (Johnson & Christensen, 2012). Theo Nancy Walton, vấn đề đạo đức là một chuẩn mực cần phải tuân thủ trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học, trong đó ĐĐNC phải đảm bảo ba nội dung chính gồm: bảo vệ người tham gia nghiên cứu; đảm bảo nghiên cứu thu hút sự tham gia thực sự của cá nhân, nhóm hay xã hội; kiểm tra tính đúng đắn của nghiên cứu, quản lý rủi ro, bảo vệ bí mật và nhận được sự đồng ý tham gia nghiên cứu (Bui, 2017). Như vậy, đạo đức NCKH là các chuẩn mực, nguyên tắc dùng để giáo dục, giám sát, bảo vệ người tham gia và thực hiện NCKH, là cơ sở quan trọng để đảm bảo môi trường khoa học liêm chính, nâng cao giá trị, chất lượng các sản phẩm học thuật.

2.1.1. Các nguyên tắc ĐĐNCKH

Hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng, các nguyên tắc về đạo đức cần phải tuân thủ trong thực hiện NCKH gồm: sự trung thực, tính khách quan, chính trực, sự cẩn thận, sự cởi mở, tôn trọng sở hữu trí tuệ, bảo mật thông tin, chịu trách nhiệm xuất bản, tôn trọng đồng nghiệp, trách nhiệm xã hội (Bui, 2017). Nguyễn Văn Tuấn cũng cho rằng, các nguyên tắc đạo đức NCKH cần đảm bảo gồm: thành thật tri thức, tính cẩn thận, tự do tri thức, cởi mở và công khai, ghi nhận công trạng thích hợp, trách nhiệm trước công chúng (Nguyen, 2008). Trong nghiên cứu của mình, Nguyễn Văn Tuấn đã cụ thể hóa các nguyên tắc trên như sau: (1) Thành thật tri thức: đây được xem là một cột trụ cơ bản nhất trong các nguyên tắc về đạo đức khoa học. Theo đó, nhà khoa học phải tuyệt đối thành thật với những gì mình quan sát hay nhận xét. Nói cách khác, nhà khoa học không nên gian lận trong nghiên cứu, không giả tạo dữ liệu, không thay đổi dữ liệu, và không lừa gạt đồng nghiệp (Nguyen, 2008). Thành thật tri thức là các nhà khoa học phải là những người chân thành, công bằng, họ thực hiện

các hoạt động chuyên nghiệp bằng những cách mà chúng mang lại sự tín nhiệm và sự tin cậy cho mọi người (Tran et al., 2016). (2) Cần thận: Việc thực hiện nghiên cứu phải thể hiện sự nghiêm túc, tránh các nhầm lẫn, sai sót trong tất cả các hoạt động khoa học. Họ có nghĩa vụ phải báo cáo đầy đủ, chi tiết những kết quả đạt được trong quá trình nghiên cứu để các nhà khoa học khác có thể thẩm định hay xác nhận (nếu cần thiết). Bất cứ một thay đổi về số liệu, dữ liệu thu thập được đều phải có chú thích rõ ràng (Nguyen, 2008). (3) Tự do tri thức: Nhà khoa học cần được tạo điều kiện để theo đuổi những ý tưởng mới và phê phán những ý tưởng cũ. Họ cũng có quyền thực hiện những nghiên cứu mà họ cảm thấy thú vị và đem lại phúc lợi cho xã hội. (Nguyen, 2008). (4) Cởi mở và công khai: Nhà khoa học có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu, kết quả và phương pháp nghiên cứu, lý thuyết, thiết bị... với đồng nghiệp, cho họ tiếp cận dữ liệu của mình, nếu cần thiết. Ngoài ra, NCKH là một cuộc tranh tài về ý tưởng và các khái niệm mới nhất không nằm trong mô thức (paradigm) hiện hành (Nguyen, 2008). (5) Ghi nhận công trạng thích hợp: Nhà khoa học phải ghi nhận những đóng góp của các nhà khoa học đi trước và tuyệt đối không lấy nghiên cứu của người khác làm thành tích của mình. Ghi nhận công trạng của họ là một quy ước về đạo đức khoa học, và hình thức ghi nhận có thể được thể hiện qua tài liệu tham khảo, lời cảm tạ, hay cho họ cơ hội đứng tên đồng tác giả. Theo quy ước chung, nhà khoa học có tư cách đứng tên tác giả nếu hội đủ tất cả 3 tiêu chuẩn: Một là đã có đóng góp quan trọng trong việc hình thành ý tưởng và phương pháp nghiên cứu, hay thu thập, phân tích và diễn dịch dữ kiện; hai là đã soạn thảo bài báo hay kiểm tra nội dung tri thức của bài báo một cách nghiêm túc; ba là phê chuẩn bản thảo sau cùng để gửi cho tạp chí (Nguyen, 2008). (6) Trách nhiệm trước công chúng: Phần lớn hoạt động khoa học là do tài trợ từ đóng góp của người dân; do đó, nhà khoa học phải có nghĩa vụ công bố những gì mình đạt được cho công chúng biết. Hình thức công bố có thể là những ấn phẩm khoa học hay những trao đổi trên các diễn đàn quần chúng. Tất cả các cơ sở vật chất sử dụng cho nghiên cứu, kể cả thiết bị, hóa chất, tài chính... là tài sản chung của xã hội; do đó, chúng cần được sử dụng sao cho đem lại lợi ích cao nhất cho xã hội. Các động vật và bệnh nhân tham gia vào nghiên cứu được xem là “vốn xã hội” và cần phải được tuyệt đối tôn trọng (Nguyen, 2008).

2.1.2. Một số biểu hiện vi phạm đạo đức NCKH

Một số biểu hiện vi phạm đạo đức NCKH, được D'Angelo (2019), phân tích như sau: (1) Làm giả và ngụy tạo số liệu nghiên cứu, tức là nhà nghiên cứu đã cố tình ngụy tạo số liệu tự tạo ra sao cho phù hợp với kết quả nghiên cứu được định hình sẵn từ trước; (2) Cố tình bỏ qua những dữ liệu không phù hợp với giả thuyết: sử dụng dữ liệu nghiên cứu có lợi nhất, phù hợp với giả thuyết nghiên cứu sẽ được sử dụng, còn những dữ liệu nghiên cứu không phù hợp với giả thuyết đề ra trước đó sẽ bị loại bỏ; (3) Cố ý bỏ qua việc thừa nhận các công trình nghiên cứu trước đó: hành vi này thể hiện khi nhà nghiên cứu chỉ so sánh kết quả nghiên cứu của mình với những nghiên cứu của nhóm khác có kết quả không thuyết phục hơn mà bỏ qua những kết quả nghiên cứu tốt hơn nhằm mục đích chứng minh rằng nghiên cứu của

mình là hiệu quả hơn, vượt trội; (4) Chuyển dữ liệu nghiên cứu của nhà khoa học khác thành dữ liệu của mình, sử dụng dữ liệu nghiên cứu của nhóm khác cho việc công bố nghiên cứu của mình hoặc nhà nghiên cứu lặp lại những nghiên cứu thực nghiệm của những nhóm nghiên cứu trước đó và sử dụng những dữ liệu thu được để công bố mà không dẫn nguồn; (5) Công bố kết quả nghiên cứu mà không có sự đồng ý của tất cả các tác giả: Một trong số các tác giả không đồng ý với luận điểm hay kết luận của nghiên cứu, hoặc có trường hợp một số tác giả đã rời khỏi nhóm nghiên cứu và không biết về việc công bố kết quả nghiên cứu của nhóm. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu đã làm hồ sơ giả mạo chữ kí xác nhận của tất cả các thành viên vào bản thảo công bố nghiên cứu để gửi đến tạp chí trước khi bình duyệt hoặc công bố; (6) Không thừa nhận đóng góp của những nhà khoa học tham gia vào nhóm nghiên cứu: Một trong các tác giả có đóng góp đáng kể trong kết quả nghiên cứu nhưng không được liệt kê vào danh sách các tác giả. Ngược lại, một số trường hợp được cho là tác giả danh dự, là người nổi tiếng hoặc có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu, không có đóng góp một cách có ý nghĩa vào kết quả nghiên cứu nhưng vẫn được liệt kê vào danh sách tác giả nhằm tăng cơ hội được chấp nhận xuất bản; (7) Xuất bản trùng lặp các kết quả nghiên cứu quá giống nhau: Việc tác giả sử dụng lại các phần quan trọng của tác phẩm đã xuất bản của họ mà không cung cấp các tài liệu tham khảo thích hợp. Điều này có thể bao gồm việc xuất bản một bài báo giống hệt nhau trên nhiều tạp chí, đến việc chỉ thêm một lượng nhỏ dữ liệu mới vào một bài báo đã xuất bản trước đó; (8) Vi phạm nguyên tắc bảo mật: Vì một lí do nào đó, nhà nghiên cứu làm lộ danh tính của đối tượng nghiên cứu dẫn đến nguy cơ gây tổn hại về mặt nhân phẩm cho người tham gia nghiên cứu, từ xấu hổ về mặt xã hội, đến sự kì thị, và thậm chí gây tổn hại đến địa vị xã hội và thiệt hại về kinh tế, chẳng hạn mất việc làm (D'Angelo, 2019); (9) Xung đột lợi ích: Có thể tồn tại khi phán đoán hay công việc chuyên môn có khả năng bị ảnh hưởng bởi lợi ích riêng tư hoặc cá nhân nhằm thu lợi cá nhân, tài chính hoặc nghề nghiệp (Stern & Elliott, 1997).

2.1.3. Đạo văn và một số hình thức đạo văn trong nghiên cứu khoa học

Đạo văn là hành vi sử dụng trái phép ngôn ngữ và suy nghĩ của một tác giả khác và thể hiện chúng như là của riêng mình mà không xin phép hay dẫn nguồn (Stern & Elliott, 1997). Trong bài viết học thuật, đạo văn liên quan đến việc sử dụng từ ngữ, ý tưởng hoặc thông tin từ một nguồn mà không trích dẫn một cách chính xác. Theo Quy định Trích dẫn và kiểm tra đạo văn đối với các sản phẩm học thuật tại Trường ĐHSP TPHCM, một số hình thức đạo văn được khuyến cáo như sau:

- Sử dụng đoạn văn, thông tin, hình ảnh từ tác phẩm của người khác đưa vào tác phẩm của mình mà không chỉ dẫn nguồn gốc tác phẩm được trích dẫn.
- Sử dụng một phần hoặc toàn bộ công trình nghiên cứu của người khác để hình thành công trình nghiên cứu của mình với chỉ số trùng lặp hỗn hợp trên 20% (bao gồm cả trường hợp thực hiện quy định về trích dẫn), trừ các trường hợp cần phải trích dẫn các đối tượng nghiên cứu để bình luận, phân tích, minh họa cho tác phẩm.

- Diễn giải, tóm tắt đoạn văn, nội dung trong công trình nghiên cứu của người khác bằng ngôn ngữ của mình mà không trích dẫn nguồn được sử dụng.
- TỰ ĐẠO VĂN là việc sử dụng những sản phẩm học thuật của mình đã công bố để tạo thành công trình nghiên cứu mới do mình là tác giả hoặc đồng tác giả, trong đó chỉ số trùng hợp hỗn hợp khi kiểm tra bằng phần mềm trên 25%.
- Chiếm đoạt công trình nghiên cứu của người khác và trình bày như công trình nghiên cứu của mình bao gồm: a) Lấy toàn bộ tác phẩm của người khác và công bố là tác phẩm của mình, bao gồm cả các trường hợp thuê viết hoặc nhờ người viết hộ; b) Dịch hoặc diễn đạt toàn bộ hoặc một phần một công trình nghiên cứu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc ngược lại để tạo thành công trình nghiên cứu của mình với tỉ lệ trên 20% (Ho Chi Minh City University of Education, 2021).

2.2. Kết quả nghiên cứu việc tuân thủ ĐĐNCKH của HVCH tại Trường ĐHSP TPHCM

2.2.1. Tổ chức nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính trong quá trình nghiên cứu. Nội dung khảo sát tập trung vào đánh giá nhận thức về vai trò của việc tuân thủ đạo đức trong NCKH, một số biểu hiện vi phạm đạo đức NCKH, các biểu hiện đạo văn và các nguyên nhân dẫn đến vi phạm đạo đức NCKH. Các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, với quy ước thang đo theo mức độ lựa chọn và thang điểm tương ứng như Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Quy ước thang đo

Mức độ	Thang điểm				
	1,00 – 1,80	1,81 – 2,60	2,61 – 3,40	3,41 – 4,20	4,21 – 5,00
Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Ít đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	
Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	
Không	Ít	Phân vân	Nhiều	Rất nhiều	

Đối tượng khảo sát là học viên đã và đang theo học chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường và GV tham gia giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ, mẫu nghiên cứu cụ thể như Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Đối tượng khảo sát

	Học viên						GV						
	Nhóm ngành			Khóa học			Nhóm ngành			Học hàm/ học vị			
	KH TN	KH XH	KH NN	K30	K31	K32	KH TN	KH XH	KH NN	ThS	TS	TS/ PGS	TS/ GS
N	75	87	45	65	75	67	18	19	14	0	32	19	0
%	36,2	42,0	21,7	31,4	36,2	32,4	35,3	37,3	27,5	0,0	62,7	37,3	0,0
Tổng	207						51						

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập bằng hình thức khảo sát trực tuyến với Google Form, số liệu sau khi được thu thập đã được sàng lọc và loại bỏ các mẫu phiếu không hợp lệ, tiến hành mã hóa, nhập liệu và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0. Trước khi tiến hành các phép tính thống kê, chúng tôi đã thực hiện đánh giá độ tin cậy của bảng hỏi bằng Cronbach's Alpha, kết quả cho thấy các biến số có chỉ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item – Total Correlation) từ 0,3 trở lên, hệ số Cronbach's Alpha của các biến từ 0,8 đến 0,95 chứng tỏ thang đo lường là tốt, đảm bảo để thực hiện các thống kê gồm: tần số, tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn và kiểm định Independent sample T-test.

2.2.2. Kết quả nghiên cứu

- Nhận thức về vai trò của việc tuân thủ ĐĐNCKH (Xem Bảng 3)

Bảng 3. Nhận thức về việc tuân thủ ĐĐNCKH

STT	Nội dung	HV			GV			Sig
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH	
1	Đảm bảo tính trung thực, tin cậy trong tổ chức thực hiện và công bố kết quả nghiên cứu khoa học	4,44	,911	2	4,63	,848	3	,194
2	Thúc đẩy tinh thần khoa học công bằng, lành mạnh, uy tín học thuật	4,41	,909	4	4,67	,841	2	,069
3	Nâng cao chất lượng, giá trị của các sản phẩm nghiên cứu khoa học	4,44	,911	2	4,57	,855	4	,379
4	Tuân thủ các quy định hiện hành về tổ chức thực hiện và công bố kết quả nghiên cứu khoa học	4,40	,907	5	4,69	,836	1	,217
5	Ngăn chặn các hành vi gian lận, thiếu liêm chính xảy ra trong cộng đồng học thuật	4,47	,913	1	4,43	,985	5	,798
Điểm trung bình chung (ĐTBC)		4,43			4,59			

Bảng 3 cho thấy cả HV và GV đều “hoàn toàn đồng ý” việc tuân thủ đạo đức NCKH của HVCH đóng vai trò cực kì quan trọng trong quá trình thực hiện NCKH, ĐTBC của HV=4,43 và GV=4,59. Kiểm định Independent T-test với 6 biến quan sát Sig >0,05 cũng cho thấy không có sự khác biệt trong đánh giá giữa HV và GV, kết quả này phù hợp với ĐTBC đánh giá của hai đối tượng. Như vậy, việc tuân thủ đạo đức NCKH góp phần quan trọng thúc đẩy môi trường khoa học công bằng, lành mạnh, đảm bảo tính trung thực, tin cậy và nâng cao uy tín, chất lượng của các sản phẩm khoa học được công bố.

- Kết quả nghiên cứu một số biểu hiện vi phạm ĐĐNCKH (xem Bảng 4)

Bảng 4. Kết quả nghiên cứu một số biểu hiện vi phạm ĐĐNCKH

STT	Nội dung	Học viên			GV			Sig
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH	
1	Làm giả và ngụy tạo số liệu nghiên cứu	2,15	1,095	2	2,45	,702	8	,067
2	Cố tình bỏ qua những dữ liệu không phù hợp với giả thuyết nghiên cứu	2,07	,919	3	3,12	,653	1	,000
3	Cố ý bỏ qua việc thừa nhận các công trình nghiên cứu trước đó có kết quả nghiên cứu tốt hơn với công trình mình đang thực hiện	1,56	1,036	5	2,80	,849	4	,000
4	Chuyển dữ liệu nghiên cứu của nhà khoa học khác thành dữ liệu của mình mà không dẫn nguồn	2,39	1,121	1	3,08	,935	2	,000
5	Công bố kết quả nghiên cứu mà không có sự đồng ý của tất cả các tác giả	1,46	,938	8	2,67	,993	7	,000
6	Không thừa nhận đóng góp của những nhà khoa học tham gia vào nhóm nghiên cứu	1,29	,739	10	2,41	,942	9	,000
7	Liệt kê những người không có đóng góp một cách có ý nghĩa vào việc thiết kế, nghiên cứu, phân tích hoặc viết bản thảo bài báo vào danh sách tác giả nhằm tăng cơ hội được chấp nhận xuất bản hoặc phục vụ cho mục đích khác	1,92	,923	4	2,76	,862	5	,000
8	Xuất bản trùng lặp các kết quả nghiên cứu quá giống nhau ở nhiều tạp chí khác nhau	1,48	,886	7	2,96	1,076	3	,000
9	Vi phạm nguyên tắc bảo mật khi tiết lộ danh tính của đối tượng nghiên cứu	1,39	,879	9	2,73	,874	6	,000
10	Xung đột lợi ích cá nhân trong quá trình thiết kế, tiến hành hay báo cáo dữ liệu nghiên cứu	1,51	,939	6	2,37	,894	10	,000
ĐTB		1,72			2,73			

Bảng 4 cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá của HV và GV đối với biểu hiện vi phạm đạo đức NCKH của HV. Trong khi ĐTBĐC đánh giá của HV ở mức “không bao giờ” (ĐTBĐC=1,72), thì GV lại đánh giá HV có biểu hiện vi phạm ở mức “thỉnh thoảng” (ĐTBĐC=2,73). Kiểm định Independent T-test với 10 biến quan sát Sig <0,05 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa trong đánh giá của hai đối tượng. Mặc dù, có sự khác biệt về ĐTBĐC, nhưng giữa HV và GV vẫn có sự tương đồng khi cho rằng, trong 10 biểu hiện vi phạm được khảo sát thì có 5 biểu hiện HV vi phạm ở mức “hiếm khi” và “thỉnh thoảng”, ĐTB dao động từ 1,56 đến 3,12, gồm: Làm giả và ngụy tạo số liệu nghiên cứu; Cố tình bỏ qua những dữ liệu không phù hợp với giả thuyết nghiên cứu; Cố ý bỏ qua việc thừa nhận các công trình nghiên cứu trước đó có kết quả nghiên cứu tốt hơn với công trình mình đang thực hiện; Chuyển dữ

liệu nghiên cứu của nhà khoa học khác thành dữ liệu của mình mà không dẫn nguồn; Liệt kê những người không có đóng góp một cách có ý nghĩa vào việc thiết kế, nghiên cứu, phân tích hoặc viết bản thảo bài báo vào danh sách tác giả nhằm tăng cơ hội được chấp nhận xuất bản hoặc phục vụ cho mục đích khác. Các biểu hiện còn lại thì có sự khác biệt trong đánh giá khi HV cho rằng, họ “không bao giờ” hoặc “hiếm khi” vi phạm, còn GV lại cho rằng HV vẫn “thỉnh thoảng” mắc phải các biểu hiện liên quan đến không thừa nhận đóng góp của tác giả khác, xuất bản trùng lặp, vi phạm nguyên tắc bảo mật, xuất bản trùng lặp kết quả nghiên cứu. Kết quả đánh giá cho thấy HV vẫn “thỉnh thoảng” vi phạm một số biểu hiện liên quan đến nguy tạo số liệu, trích dẫn nguồn tài liệu, cố tình bỏ qua dữ liệu nghiên cứu không phù hợp với giả thuyết nghiên cứu, hay sử dụng uy tín, kinh nghiệm của một số người không có đóng góp cho nghiên cứu để dễ dàng công bố các sản phẩm khoa học. Những biểu hiện này, HV dễ dàng mắc phải vì họ đang bước đầu thực hiện NCKH, cụ thể là thực hiện luận văn tốt nghiệp.

• **Kết quả nghiên cứu một số hình thức đạo văn** (xem Bảng 5)

Bảng 5. Kết quả nghiên cứu một số hình thức đạo văn

STT	Nội dung	Học viên			GV			Sig
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH	
1	Sử dụng đoạn văn, thông tin, hình ảnh từ tác phẩm của người khác đưa vào tác phẩm của mình mà không chỉ dẫn nguồn gốc tác phẩm được trích dẫn	2,29	1,085	2	3,49	,579	1	,000
2	Sử dụng một phần hoặc toàn bộ công trình nghiên cứu của người khác để hình thành công trình nghiên cứu của mình với chỉ số trùng lặp hỗn hợp trên 20% (bao gồm cả trường hợp thực hiện quy định về trích dẫn)	2,05	1,032	5	2,80	,895	4	,000
3	Diễn giải, tóm tắt đoạn văn, nội dung trong công trình nghiên cứu của người khác bằng ngôn ngữ của mình mà không trích dẫn nguồn được sử dụng	2,41	1,010	1	3,49	,946	1	,000
4	Sử dụng những sản phẩm học thuật của mình đã công bố để tạo thành công trình nghiên cứu mới do mình là tác giả hoặc đồng tác giả, trong đó chỉ số trùng hợp hỗn hợp khi kiểm tra bằng phần mềm trên 25%	2,27	1,080	3	2,84	,967	3	,001
5	Lấy toàn bộ tác phẩm của người khác và công bố là tác phẩm của mình, bao gồm cả các trường hợp thuê viết hoặc nhờ người viết hộ	1,37	,877	6	2,35	,913	6	,000
6	Dịch hoặc diễn đạt toàn bộ hoặc một phần một công trình nghiên cứu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc ngược lại để tạo thành công trình nghiên cứu của mình với tỉ lệ trên 20%	2,18	1,113	4	2,61	,850	5	,004
ĐTBC		2,09			2,93			

Bảng 5 cho thấy có sự khác biệt khá rõ trong đánh giá, khi HV cho rằng họ chỉ “hiếm khi” vi phạm các hình thức về đạo văn (ĐTBC=2,09), trong GV cho rằng, HV vi phạm đạo văn ở mức “thỉnh thoảng”, với điểm đánh giá cao hơn (ĐTBC=2,93). Kiểm định Independent T-test với 6 biến quan sát Sig <0,05 cũng cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa trong đánh giá của hai đối tượng. Trong đó, các hình thức vi phạm đạo văn được cả HV và GV đánh giá vi phạm ở mức ĐTB cao hơn, dao động từ 2,29 đến 3,49, đặc biệt đánh giá của GV cho thấy các biểu hiện này xảy ra ở mức “thường xuyên” liên quan đến: Sử dụng đoạn văn, thông tin, hình ảnh từ tác phẩm của người khác, diễn giải, tóm tắt đoạn văn, nội dung trong công trình nghiên cứu của người khác bằng ngôn ngữ của mình mà không trích dẫn nguồn được sử dụng. Kết quả này cho thấy bản thân HV cũng nhìn nhận ra và GV cũng rất công tâm khi cho rằng việc trích dẫn nguồn trong quá trình thực hiện nghiên cứu thường bị HV “bỏ quên”. Một số hình thức còn lại mặc dù được đánh giá với ĐTB ở mức “hiếm khi” và “thỉnh thoảng”, ĐTB từ 2,05 đến 2,80, liên quan đến sử dụng một phần hoặc toàn bộ công trình của người khác hình thành sản phẩm của mình với dung lượng trên 20% và dịch hoặc diễn đạt toàn bộ hoặc một phần một công trình nghiên cứu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc ngược lại để tạo thành công trình nghiên cứu của mình với tỉ lệ trên 20%. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn cho thấy sự phân tán khá rõ từ 0,850 đến 1,113 phần nào cho thấy vẫn có tỉ lệ nhất định HV vi phạm các hình thức này ở mức “thường xuyên”, cụ thể tỉ lệ phần trăm ở mức này của HV chiếm 7,2% và 12,4%, trong khi đó, GV lần lượt là 19,8% và 11,8%. Kết quả này phần nào cho thấy, mặc dù ĐTB đánh giá mức độ vi phạm đạo văn ở HV chỉ ở mức “hiếm khi” hoặc “thỉnh thoảng”, nhưng độ lệch tiêu chuẩn thể hiện sự phân tán và tỉ lệ phần trăm đánh giá phần nào cho thấy vẫn có một tỉ lệ nhất định HV vi phạm các hình thức này ở mức cao hơn.

- Nguyên nhân vi phạm ĐĐNCKH (xem Bảng 6)

Bảng 6. Nguyên nhân vi phạm ĐĐNCKH

STT	Nội dung	Học viên			GV			Sig
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH	
1	Do hành vi lười biếng, cầu thả của người nghiên cứu	3,37	1,319	3	3,41	,983	5	,810
2	Áp lực về thời gian thực hiện sản phẩm học thuật	3,23	1,115	5	3,49	,946	4	,122
3	Áp lực về thành tích đối với sản phẩm học thuật	3,20	1,194	6	3,25	1,111	7	,778
4	Thiếu kiến thức liên quan đến sản phẩm học thuật đang thực hiện	3,64	1,140	1	3,53	,902	3	,529
5	Thiếu kĩ năng viết và trình bày đối với sản phẩm học thuật đang thực hiện	3,54	1,287	2	3,73	,874	1	,226

6	Dễ dàng tiếp cận các nguồn tài liệu khác nhau đối với sản phẩm học thuật đang thực hiện	3,25	1,099	4	3,37	,894	6	,466
7	Thiếu hiểu biết về các lỗi vi phạm đạo đức trong thực hiện các sản phẩm học thuật	3,13	1,234	7	3,73	,874	1	,000
8	Không có sự khuyến cáo về vấn đề vi phạm đạo đức trong thực hiện sản phẩm học thuật từ cơ sở đào tạo, GV	2,93	1,311	9	2,98	,883	8	,731
9	Thiếu hướng dẫn và các quy định về các hành vi, mức độ vi phạm đạo đức trong thực hiện các sản phẩm học thuật cho người học	3,06	1,258	8	2,94	,947	9	,446
ĐTB		3,26			3,38			

Bảng 6 cho thấy tất cả các nguyên nhân được khảo sát đã có tác động không nhỏ đến các biểu hiện vi phạm đạo đức NCKH. Trong đó, nổi trội một số nguyên nhân được cả HV và GV đánh giá có tác động lớn nhất, với ĐTB dao động từ 3,23 đến 3,73 gồm: Thiếu kiến thức liên quan đến sản phẩm học thuật đang thực hiện; Thiếu kỹ năng viết và trình bày đối với sản phẩm học thuật đang thực hiện; Áp lực về thời gian thực hiện sản phẩm học thuật; Do hành vi lừa dối, cầu thả của người nghiên cứu. Ngoài ra, các nguyên nhân do Thiếu hiểu biết về các biểu hiện vi phạm đạo đức trong thực hiện các sản phẩm học thuật; Dễ dàng tiếp cận các nguồn tài liệu khác nhau đối với sản phẩm học thuật đang thực hiện cũng có tác động lớn khiến HV có các biểu hiện vi phạm đạo đức NCKH. Ngoại trừ biến số 7 thì kết quả kiểm định Independent T-test với 8 biến quan sát còn lại đều có Sig >0,05, cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa trong đánh giá của HV và GV.

3. Kết luận

Việc tuân thủ ĐĐNCKH của HVCH sẽ giúp các sản phẩm học thuật có giá trị, chất lượng hơn, tạo môi trường học thuật, khoa học trung thực, công bằng và uy tín. Kết quả nghiên cứu cho thấy HVCH đã tuân thủ khá tốt một số quy định, nguyên tắc về ĐĐNCKH tuy nhiên vẫn có một số biểu hiện vi phạm liên quan đến sử dụng các công cụ nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu, vấn đề trích dẫn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thiếu hiểu biết về các biểu hiện vi phạm ĐĐNC, hay thiếu kỹ năng viết và trình bày đối với sản phẩm học thuật. Kết quả nghiên cứu thực trạng này là cơ sở quan trọng để chúng tôi đề xuất xây dựng khóa học trực tuyến “Đạo đức nghiên cứu khoa học” cho HVCH tại Trường ĐHSP TPHCM. Để hạn chế các biểu hiện vi phạm trên, chúng tôi đề xuất khóa học tập trung và trang bị cho HV một số nội dung liên quan đến: nhận biết các nguyên tắc trong ĐĐNCKH, nhận biết các biểu hiện sai trái vi phạm ĐĐNCKH, sử dụng một số hình thức để tránh vi phạm ĐĐNCKH, sử dụng một số phần mềm hỗ trợ tránh vi phạm ĐĐNCKH.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2020.19.52.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, H. V. (2017). Van de dao duc trong nghien cuu khoa hoc [Ethical issues in scientific research]. *Journal of Social Science Information*. Hanoi.
- D'Angelo, J. G. (2018). *Ethics in science: Ethical misconduct in scientific research*. CRC Press.
- Ho Chi Minh City University of Education (2021). *Quy dinh Trich dan va kiem tra dao van doi voi cac san pham hoc thuat tai Truong Dai hoc Su pham Thanh pho Ho Chi Minh [Regulations on Citation and Plagiarism Check for Academic Products at Ho Chi Minh City University of Education]*. Ho Chi Minh City University of Education.
- Johnson, B., & Christensen, L. (2012). *Educational Research: Quantitative, Qualitative, and Mixed Approaches* (2nd ed.). Thousand Oaks: Sage Education, Inc.
- Phan, T. D. H., & Nguyen, T. M. N. (2017). Nhan thuc ve dao van cua sinh vien va giang vien Khoa Du lich – Dai hoc Hue. *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, 126(5D), 15-28.
- Nguyen, V. T. (2008). Dao duc khoa hoc [Scientific ethics]. *Journal of Scientific Activities*, 586. Hanoi.
- Stern, J. E., & Elliott, D. (1997). *The ethics of scientific research: A guidebook for course development*. Hanover and London: Published by University Press of New England.
- Prime Minister (2016). *Quyết định phê duyệt Khung năng lực trình độ Quốc gia Việt Nam*. Hanoi.
- Tran, V. D., Vo, V. T., & Le, M. T. L. (2016). Kham pha va phan tich cac nguyen tac va chuan muc dao duc trong nghien cuu khoa hoc [Explore and analyze ethical principles and standards in scientific research]. *Scientific Journal of An Giang University*, 9(1), 1-9. An Giang.

**ETHICAL COMPLIANCE WITH RESEARCH OF GRADUATE STUDENTS
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

*Bui Tran Quynh Ngoc, Nguyen Thi Thu Ba,
Nguyen Chung Hai*, Phan Duy Khoi, Pham Tran Nhu Ai*

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Chung Hai – Email: hainc@hcmue.edu.vn*

Received: September 12, 2022; Revised: June 19, 2023; Accepted: June 20, 2023

ABSTRACT

Research ethics enhances the quality and value of academic output, fostering an honest, fair, and reputable academic and scientific environment. The article focuses on examining the degree of compliance with ethical principles of research and assessing factors affecting students' violations of research ethics. The study employs the questionnaire survey method as the primary methodology with a sample size of 207 students and 51 lecturers teaching in master's programs at the University. The findings indicate that graduate students generally complied with research ethics. However, there are still occasional violations related to misuse of research tools, data, and citation issues. The main contributing factor is either a lack of knowledge of research ethics or insufficient skills in academic writing and presenting.

Keywords: ethics; graduate students; scientific research